NGHIÊN CỨU HÀNH VI VÀ MỨC ĐỘ TIẾP CẬN GIÁO DỤC VỀ VẤN ĐỀ RÁC THẢI NHỰA CỦA HỌC SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

RESEARCH ON THE BEHAVIOR AND LEVEL OF APPROACH TO EDUCATION ON THE ISSUE OF PLASTIC WASTE AMONG HIGH SCHOOL STUDENTS

NGUYỄN THỊ HIỂN(*), VŨ ĐÌNH BẢY(**), *vdbay@iemh.edu.vn*
(*)Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế
(**)Trường Cán bộ quản lý giáo dục Thành phố Hồ Chí Minh

THÔNG TIN

Ngày nhận: 8/11/2023
Ngày nhận lại: 21/11/2023
Duyệt đăng: 12/12/2023
Mã số: TCKH-S04T12-2023-B15
ISSN: 2354 - 0788

Từ khóa:
Rác thải nhựa, hành vi, giáo dục, học sinh trung học phổ thông, Miền Trung.

Key words:
Plastic waste, behavior, education, high school students, Central Vietnam.

TÓM TẮT

Nghiên cứu này được thực hiện nhằm đánh giá thực trạng hành vi và mức độ tiếp cận giáo dục về vấn đề rác thải nhựa của học sinh trung học phổ thông ở khu vực Miền Trung. Kết quả khảo sát trên 2183 học sinh thuộc 10 tỉnh thành ở Miền Trung trong khoảng thời gian từ tháng 9 tới tháng 12 năm 2022 cho thấy: mặc dù, nhận thức của học sinh về vấn đề rác thải nhựa tương đối cao song kiến thức và hành vi đối với vấn đề rác thải nhựa vẫn còn nhiều hạn chế; công tác giáo dục về rác thải nhựa hiện nay trong các trường học chủ yếu ở mức thỉnh thoảng thực hiện và hiệu quả chưa thật sự cao như kì vọng; hành vi đối với vấn đề rác thải nhựa của học sinh có sự khác biệt liên quan tới giới tính; khối lớp và giữa các địa bàn nghiên cứu. Kết quả nghiên cứu là cơ sở để đề xuất các biện pháp giáo dục phù hợp cho học sinh trung học phổ thông tại các tỉnh Miền Trung.

ABSTRACT

This study evaluates the current status of behavior and level of access to education on the issue of plastic waste among high school students in Central Vietnam. Survey results on 2,183 students from 10 provinces and cities in the Central region from September to December 2022 show that although students' awareness of the plastic waste issue is relatively high, but their knowledge and behavior towards plastic waste still has many limitations; current education about plastic waste in schools is mainly done occasionally, and the effectiveness is lower than expected; students' behavior towards plastic waste has gender-related differences; grade levels and between research areas. The research results are the basis for proposing appropriate educational measures for high school students in Central Vietnam.

1. Đặt vấn đề

Nhựa đang được sử dụng ngày càng nhiều trong cuộc sống hàng ngày của người Việt Nam, bởi đặc tính bền, dẻo, nhẹ, linh hoạt, không thấm nước và giá thành rẻ. Việt Nam hiện đang là một trong những quốc gia có lượng tiêu thụ nhựa trong cuộc sống hằng ngày cao hàng đầu trên thế giới. Năm 2018, trung bình mỗi người dân Việt Nam tiêu thụ các sản phẩm từ nhựa là 41,3 kg nhựa/năm (Milne, 2019). Tuy nhiên, do đặc tính bền, thời gian phân huỷ trung bình từ 50 - 600 năm, rất khó để xử lí nên khi nhựa bị thải loại đã trở thành một loại rác thải nguy hiểm, gây ô nhiễm môi trường, tổn hại đến sinh vật, gây suy giảm đa dạng sinh học, tác động tiêu cực đến sức khoẻ con người và sự phát triển kinh tế xã hội của đất nước (Barnes và cộng sự, 2009).

Việt Nam có 28 tỉnh thành giáp biển với hơn 3260 km đường bờ biển (chưa kể bờ biển các đảo, quần đảo), được đánh giá là một trong những quốc gia có lượng rác thải nhựa xả ra biển nhiều nhất trên thế giới, hiện đang xếp thứ 4 toàn cầu về lượng rác thải nhựa đại dương (Chau và cộng sự, 2020). Theo báo cáo phân tích về ô nhiễm rác thải nhựa tại Việt Nam của Ngân hàng Thế giới thì: ước tính mỗi năm, Việt Nam thải ra môi trường 3,1 triệu tấn rác thải nhựa, trong đó có ít nhất 10% rác thải nhựa được thải ra biển (World Bank, 2022). Lượng rác thải nhựa đổ ra biển của Việt Nam chiếm khoảng 6% tổng rác thải nhựa ra biển của toàn thế giới nhưng chỉ có 27% rác thải nhựa được tái chế (Jambeck và cộng sự, 2015). Tình trạng ô nhiễm rác thải nhựa và túi ni lông ở Việt Nam đang rất nghiêm trọng, với lượng rác thải nhựa chiếm từ 8-12% chất thải sinh hoạt (Schwenkel, 2018). Ô nhiễm rác thải nhựa đã trở thành một vấn nạn môi trường nghiêm trọng và là gánh nặng lớn cho một quốc gia có nền kinh tế đang phát triển như Việt Nam.

Nguyên nhân chủ yếu gây nên tình trạng ô nhiễm rác thải nhựa nằm ở văn hoá môi trường còn hạn chế của con người, được thể hiện qua những hành động rất phổ biến hiện nay như: vứt xả rác bừa bãi mà không phân loại, lạm dụng túi nylon, đồ nhựa dùng 1 lần vì giá thành rẻ, tiện dụng mà không quan tâm đến đặc tính khó phân huỷ của nhựa (Vương, 2021). Trong Kế hoạch Hành động Quốc gia về quản lý rác thải nhựa đại dương đến năm 2030, Việt Nam đặt mục tiêu cắt giảm 50% rác thải nhựa đại dương vào năm 2025 và 75% vào năm 2030. Để giảm thiểu rác thải nhựa tại Việt Nam cần thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp. Một trong những giải pháp quan trọng nhất là giáo dục, nhằm thay đổi thói quen tiêu dùng và nâng cao nhận thức của cộng đồng về rác thải nhựa, giảm thiểu sử dụng các sản phẩm từ nhựa đặc biệt là nhựa dùng 1 lần, khuyến khích cộng đồng tái chế và tái sử dụng các sản phẩm từ nhựa, hoặc sử dụng các sản phẩm thay thế thân thiện với môi trường (Dang và cộng sự, 2021).

Học sinh (HS) trung học phổ thông (THPT) là một lực lượng quan trọng trong cuộc chiến đối với rác thải nhựa ở nước ta. HS vừa là đối tượng tác động trực tiếp đến tình trạng ô nhiễm rác thải nhựa đồng thời cũng là lực lượng có khả năng tham gia vào các hoạt động giảm thiểu rác thải nhựa, bảo vệ môi trường. Do đó, nâng cao nhận thức, trang bị kiến thức, thay đổi hành vi giảm thiểu rác thải nhựa cho HS là một việc làm cần thiết, vì sự phát triển bền vững của Việt Nam nói riêng và nhân loại nói chung. Trên thế giới đã có một số nghiên cứu về HSTHPT đối với vấn đề rác thải nhựa như nghiên cứu ở Nhật Bản, Trung Quốc, Malaysia, Thái Lan... Tuy nhiên, thiếu vắng những nghiên cứu về vấn đề rác thải nhựa đối với HSTHPT tại Việt Nam. Từ khoảng trống đó, chúng tôi đã lựa chọn nghiên cứu đánh giá thực trạng về hành vi và mức độ tiếp cận giáo dục đối với vấn đề rác thải nhựa của HSTHPT ở khu vực miền Trung. Từ đó, đề xuất các biện pháp giáo dục phù hợp cho HSTHPT nhằm cải thiện hành vi theo hướng giảm thiểu rác thải nhựa, bảo vệ môi trường.

2. Phương pháp nghiên cứu

Mẫu nghiên cứu: Bao gồm 2.183 HSTHPT từ 10 tỉnh thành ở khu vực Miền Trung là: Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng, Quảng Nam, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hoà, Ninh Thuận, Bình Thuận. Đây là những tỉnh thành giáp biển và góp phần ảnh hưởng trực tiếp đến thực trạng xả thải ra đại dương, trong đó có rác thải nhựa.

Bảng 1. Đặc điểm mẫu khảo sát HS THPT ở khu vực Miền Trung

Đặc điểm mẫu		Số lượng HS	Tỉ lệ %
Giới tính	*Nam*	1049	48,1
	Nữ	1134	51,9
Lớp	*Lớp 10*	765	35,0
	Lớp 11	737	33,8
	Lớp 12	681	31,2
Tỉnh thành	*Quảng Bình*	218	10,0
	Quảng Trị	212	9,7
	Thành phố Huế	221	10,1
	Đà Nẵng	222	10,2
	Quảng Nam	216	9,9
	Bình Định	220	10,1
	Phú Yên	215	9,8
	Khánh Hoà	219	10,0
	Ninh Thuận	223	10,2
	Bình Thuận	217	9,9
Tổng		**2183**	**100,0**

Bài viết sử dụng các phương pháp nghiên cứu chính sau:

Phương pháp phân tích, tổng hợp tài liệu: Căn cứ vào đối tượng, mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu, chúng tôi đã tiến hành thu thập, phân loại, phân tích, tổng hợp, hệ thống hoá các tài liệu liên quan để làm cơ sở lí luận cho vấn đề nghiên cứu.

Phương pháp khảo sát bằng bảng hỏi: Phiếu khảo sát được thiết kế trên cơ sở tham khảo các nghiên cứu trong và ngoài nước, gồm 4 nhân tố (kiến thức, nhận thức, hành vi đối với vấn đề rác thải nhựa, mức độ tiếp cận giáo dục rác thải nhựa của HS) với 39 câu hỏi được thiết kế theo thang đo Liker. Thang đo Likert mà chúng tôi sử dụng được mã hoá theo 5 mức độ từ thấp đến cao (như: 1. "Chưa bao giờ" đến 5 "Rất thường xuyên", từ 1. "Hoàn toàn không đồng ý" đến 5 "Hoàn toàn đồng ý", từ 1. "Hoàn toàn không biết" đến 5 "Biết rõ") cho các câu trả lời trong bảng hỏi. Chúng tôi đã tiến hành khảo sát thử trên 192 HS với độ tin cậy Cronbach's Alpha của toàn thang đo đạt 0,972. Trong đó: thang đo kiến thức đạt 0,961; nhận thức đạt 0,951; hành vi đạt 0,919; giáo dục đạt 0,960. Các chỉ số trên chứng tỏ: thang đo đạt độ tin cậy cao, có thể tiến hành khảo sát thực.

Tiếp đó, chúng tôi đã xin sự đồng ý của ban giám hiệu, giáo viên, HS và tiến hành khảo sát trên 2200 HS thuộc nhiều trường THPT ở 10 tỉnh miền Trung thông qua phiếu khảo sát bằng giấy và phiếu khảo sát online trên Google Form trong thời gian từ tháng 10-12/2022. Phân tích trên 2183 phiếu khảo sát hợp lệ đã cho thấy thang đo đạt độ tin cậy cao với chỉ số Cronbach's Alpha của toàn thang đo đạt 0,898. Trong đó, thang đo nhận thức đạt 0,955; kiến thức đạt 0,864; hành vi của HS đối với vấn đề rác thải

nhựa đạt 0,807 và thang đo mức độ tiếp cận giáo dục về rác thải nhựa của HS đạt 0,758.

Phương pháp thống kê: Chúng tôi sử dụng phần mềm SPSS 26.0 để phân tích dữ liệu với quy ước thang đo như: Đối với các biến "Giới tính" và "Tỉnh/thành" chúng tôi dùng thang đo định danh (Nominal scale); Đối với biến "Lớp" chúng tôi dùng thang đo thứ bậc (Ordinal scale); Đối với các biến "Kiến thức", "Nhận thức", "Hành vi", "Mức độ tiếp cận giáo dục" chúng tôi dùng thang đo khoảng (Interval scale). Qua phần mềm SPSS 26.0 chúng tôi đã kiểm định độ tin cậy Cronbach's Alpha, tính toán tỉ lệ phần trăm (%), điểm trung bình (ĐTB), độ lệch chuẩn (ĐLC) và kiểm định ANOVA.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Hành vi của học sinh trung học phổ thông ở khu vực Miền Trung về vấn đề rác thải nhựa

Đối với vấn đề rác thải nhựa thì hành vi của các cá nhân trong cộng đồng chính là yếu tố trực tiếp dẫn đến thực trạng ô nhiễm rác thải nhựa hiện nay. Hành vi là những biểu hiện tồn tại ở dạng hành động hoặc không hành động do con người thực hiện trong quá trình hoạt động hàng ngày, nhằm hướng tới những mục đích nhất định phục vụ cho chính nhu cầu của người đó (Vũ Gia Hiền, 2005). Hành vi đối với vấn đề rác thải nhựa chính là những hành động có liên quan đến rác thải nhựa bao gồm phân loại, sử dụng, tái chế, tuyên truyền, đưa ra giải pháp….

Hành vi ủng hộ môi trường hoặc hành vi có trách nhiệm với môi trường có thể được định nghĩa là hành vi gây thiệt hại tối thiểu cho môi trường, hoặc thậm chí có lợi cho môi trường (Steg & Vlek, 2009). Hành vi giảm thiểu rác thải nhựa có thể xem là một phần của hành vi có trách nhiệm với môi trường. Trong phiếu khảo sát chúng tôi đã thiết kế 8 câu hỏi về các hành vi theo hướng giảm thiểu rác thải nhựa và có trách nhiệm với môi trường. HS lựa chọn các hành vi theo 5 mức độ (1. Chưa bao giờ, 2. Hiếm khi, 3. Thỉnh thoảng, 4. Thường xuyên, 5. Rất thường xuyên). Kết quả khảo sát được thể hiện trong bảng 2.

Bảng 2. Hành vi của HSTHPT ở Miền Trung đối với vấn đề rác thải nhựa

STT	Hành vi của HS	ĐTB	ĐLC
1	Tôi phân loại rác thải và bỏ vào đúng nơi quy định	3,52	0,939
2	Tôi hạn chế hoặc không sử dụng nhựa dùng 1 lần	3,27	0,860
3	Tôi sử dụng các vật dụng thay thế nhựa như túi vải, bình thuỷ tinh…	3,22	0,897
4	Tôi tái chế rác thải nhựa thành những vật dụng có ích	2,83	0,804
5	Tôi tuyên truyền, vận động bạn bè và người thân hạn chế sử dụng đồ nhựa dùng 1 lần	2,79	0,826
6	Tôi đề xuất các biện pháp để hạn chế, giảm thiểu rác thải nhựa cho gia đình, nhà trường và địa phương nơi tôi sinh sống	3,09	0,893
7	Tôi tham gia các hoạt động giảm thiểu rác thải nhựa do nhà trường, địa phương tổ chức	3,63	0,788
8	Tôi lên án những hành động làm tăng rác thải nhựa gây ô nhiễm môi trường	3,14	0,953
Tổng		**3,25**	**0,588**

Kết quả thu được cho thấy, trong hầu hết các hành vi đối với vấn đề rác thải nhựa được đưa ra thì đa phần HS chỉ thực hiện ở mức độ "*thỉnh thoảng*" với ĐTB là 3,25. Trong các hành vi với đối với vấn đề rác thải nhựa, chỉ có 2 hành vi là "*phân loại rác và bỏ vào đúng nơi quy định*" và "*tham gia các hoạt động giảm thiểu rác thải nhựa do nhà trường và địa phương tổ chức*" có ĐTB cao nhất, lần lượt đạt 3,52 và 3,63, nghĩa là 2 hành vi này có tần suất thực hiện cao hơn những hành vi còn lại, tuy nhiên, vẫn chưa phải là những hành vi được HS thực hiện thường xuyên. Đặc biệt là đối với các hành động như "*tái chế rác thải nhựa thành những vật dụng có ích*" hay "*truyên truyền vận động bạn bè và người thân hạn chế sử dụng đồ nhựa dùng một lần*" thì mức độ thực hiện còn ít hơn, với ĐTB = 2,83 và 2,79; nghĩa là đa phần HS rất hiếm khi thực hiện hoặc chỉ thỉnh thoảng mới thực hiện. Trong số HS được khảo sát, số lượng HS "*chưa bao giờ thực hiện, hiếm khi thực hiện và thỉnh thoảng thực hiện*" cao gấp khoảng 3 lần số HS "*thường xuyên thực hiện*" những hành vi trên. Điều đó cho thấy, hành vi đối với vấn đề rác thải nhựa của rất nhiều HSTHPT ở khu vực miền Trung được khảo sát vẫn còn nhiều hạn chế, chưa hình thành thói quen theo hướng giảm thiểu rác thải nhựa và bảo vệ môi trường.

Kiểm định sự khác biệt (T-Test, ANOVA) theo giới tính, theo lớp và theo địa phương

Chúng tôi sử dụng One-Way ANOVA để kiểm định sự khác biệt về hành vi của HS đối với vấn đề rác thải nhựa theo giới tính, theo lớp và theo địa phương. Sig kiểm định ANOVA của hành vi theo giới tính, theo lớp và theo địa phương đều lần lượt bằng 0,00 < 0,05. Điều đó cho thấy, có sự khác biệt về hành vi đối với vấn đề rác thải nhựa giữa các HSTHPT được khảo sát ở khu vực Miền Trung theo giới tính, theo lớp và theo địa phương.

Bảng 3. Sự khác biệt về hành vi đối với vấn đề rác thải nhựa của HS theo giới tính, theo lớp và theo địa phương

Đặc điểm mẫu		**Tỉ lệ %**	**ĐTB**	**ĐLC**	**95%CI ĐTB**	
					Cận dưới	**Cận trên**
Giới tính	*Nam*	48,1	3,17	0,535	3,13	3,20
	Nữ	51,9	3,33	0,623	3,29	3,37
Lớp	*Lớp 10*	35,0	3,16	0,521	3,13	3,20
	Lớp 11	33,8	3,22	0,544	3,18	3,26
	Lớp 12	31,2	3,38	0,677	3,33	3,43
Tỉnh thành	*Quảng Bình*	10,0	3,18	0,518	3,11	3,24
	Quảng Trị	9,7	3,24	0,542	3,17	3,31
	Thành phố Huế	10,1	3,34	0,624	3,26	3,42
	Đà Nẵng	10,2	3,44	0,749	3,34	3,54
	Quảng Nam	9,9	3,15	0,520	3,08	3,22
	Bình Định	10,1	3,19	0,487	3,12	3,26
	Phú Yên	9,8	3,17	0,529	3,10	3,24
	Khánh Hoà	10,0	3,46	0,724	3,37	3,56
	Ninh Thuận	10,2	3,16	0,495	3,09	3,22
	Bình Thuận	9,9	3,19	0,527	3,12	3,26
Tổng		**100,0**	**3,25**	**0,588**	**3,23**	**3,28**

- *Theo giới tính:* HS THPT nữ (chiếm 51,9% tổng số HS) có ĐTB về hành vi đối với vấn đề rác thải nhựa là 3,33 với độ tin cậy 95% trong khoảng [3,29; 3,37] cao hơn HS nam là 3,17 với độ tin cậy 95% trong khoảng [3,13; 3,20]. Mặc dù, sự khác biệt này không quá lớn nhưng cũng cho thấy HS THPT nữ có sự chú trọng hơn HS nam về vấn đề giảm thiểu rác thải nhựa, bảo vệ môi trường. Điều này cũng được phát hiện trong một số nghiên cứu trước đây như: nghiên cứu ở HS THPT ở bang Uttar Pradesh (Ấn Độ) về thực tế sử dụng nhựa đã cho thấy, HS nữ thực hành sử dụng nhựa trong trường học hợp lý hơn so với HS nam (Chaudhary và cộng sự, 2020). Trong nghiên cứu của Heidbreder và các cộng sự (Heidbreder và cộng sự, 2019) cũng nhận định rằng, phụ nữ sẵn sàng chấp nhận và thực hiện áp dụng các giải pháp tái chế, tái sử dụng và giảm thiểu sử dụng nhựa cao hơn so với nam giới.

- *Theo lớp:* Trong số các HSTHPT tham gia khảo sát thì HS lớp 12 (chiếm 31,2%) có ĐTB về hành vi đối với vấn đề rác thải nhựa là cao nhất với ĐTB đạt 3,38 với độ tin cậy 95% trong khoảng [3,33; 3,43], sau đó là đến HS lớp 11 với ĐTB là 3,22 và thấp nhất là HS lớp 10 với ĐTB là 3,16 với độ tin cậy 95% trong khoảng [3,13; 3,20]. Điều này cũng có điểm tương đồng với nghiên cứu ở HS THPT ở Các tiểu Vương quốc Ả Rập Thống nhất khi nghiên cứu phát hiện ra HS lớp 12 có mức độ sử dụng nhựa trong cuộc sống hàng ngày thấp hơn so với lớp 10 và lớp 11 (Hammami et al., 2017). Điều này có thể được lí giải theo hướng: HS THPT ở Miền Trung càng ở lớp cao hơn càng có sự tích luỹ kiến thức về vấn đề rác thải nhựa nhiều hơn, được tiếp cận nhiều hơn về giáo dục rác thải nhựa trong các trường THPT và ở địa phương nên hành vi của HS về vấn đề này cũng có sự cải thiện hơn so với HS lớp dưới.

- *Theo địa phương:* Trong số 10 tỉnh thành mà nghiên cứu thực hiện khảo sát ở khu vực miền Trung thì có đến 7 tỉnh thành mà hành vi của HS đối với vấn đề rác thải nhựa có sự tương đồng với ĐTB nằm trong khoảng từ 3,15-3,24. Riêng 3 tỉnh thành HS có ĐTB về hành vi đối với vấn đề rác thải nhựa cao hơn 7 tỉnh thành kia là tỉnh Khánh Hoà (ĐTB=3,46) với độ tin cậy 95% trong khoảng [3,37; 3,56], Đà Nẵng (ĐTB=3,44) với độ tin cậy 95% trong khoảng [3,34; 3,54]và thành phố Huế (ĐTB=3,34) với độ tin cậy 95% trong khoảng [3,26; 3,42]. Hành vi của HS đối với vấn đề rác thải nhựa chịu sự chi phối của nhiều yếu tố như: nhận thức, kiến thức, mức độ tiếp cận giáo dục tại trường, từ gia đình, từ địa phương… Do đó, sự khác biệt trên có thể được lí giải theo hướng: Khánh Hoà, Đà Nẵng, thành phố Huế là những tỉnh thành có nhiều hơn những hoạt động tuyên truyền, giáo dục về vấn đề rác thải nhựa cho HS dẫn đến gia tăng kiến thức, nâng cao nhận thức, từ đó cải thiện hơn hành vi của HS đối với vấn đề này.

3.2. Nhận thức và kiến thức đối với vấn đề rác thải nhựa của học sinh trung học phổ thông ở khu vực Miền Trung

Hành vi đối với vấn đề rác thải nhựa mà mỗi cá nhân thực hiện có liên quan nhiều đến nhận thức và hiểu biết của họ đối với vấn đề rác thải nhựa. Do đó, nghiên cứu cũng thực hiện khảo sát đối với nhận thức và kiến thức của HS THPT ở khu vực miền Trung.

- *Nhận thức của HS về vấn đề rác thải nhựa*

Nhận thức được xem là tiền đề để hình thành thái độ tích cực đối với môi trường của mỗi cá nhân. Nhận thức về các vấn đề môi trường (trong đó có vấn đề rác thải nhựa) bao gồm nhận thức về thực trạng của vấn đề, nguyên nhân, những người đóng góp, tác động của vấn đề (Hammami và cộng sự, 2017). Do đó, trong phiếu khảo sát nghiên cứu sử dụng 8 câu hỏi nhận thức về nguyên nhân, thực trạng, tác động, trách nhiệm, giải pháp đối với vấn đề rác thải nhựa với 5 mức độ để HS lựa chọn (1. Hoàn toàn không đồng ý, 2. Không đồng ý, 3. Phân vân, 4. Đồng ý, 5. Hoàn toàn đồng ý), bảng 4.

Kết quả phân tích thống kê cho thấy hầu như tất cả HS THPT ở khu vực Miền Trung được khảo sát đều có nhận thức rất cao về vấn đề rác thải nhựa, với ĐTB lên đến 4,23. Điều đó khẳng định: các HS đều nhận thức được rằng rác thải nhựa gây tác động tiêu cực đến sức khoẻ con người và môi trường, thực trạng ô nhiễm rác thải nhựa hiện nay rất nghiêm trọng, nguyên nhân chủ yếu do thói quen sử dụng đồ nhựa của người dân trong đó có HS, do đó HS cũng cần phải có trách nhiệm trong vấn đề này, hạn chế sử dụng nhựa và tái chế là những giải pháp quan trọng để giảm thiểu rác thải nhựa.

Bảng 4. Nhận thức của HS THPT ở Miền Trung về vấn đề rác thải nhựa

STT	Nhận thức về rác thải nhựa	ĐTB	ĐLC
1	Rác thải nhựa gây tác hại nghiêm trọng đến sức khỏe con người, gây ra cái chết cho nhiều loài sinh vật	4,35	0,896
2	Rác thải nhựa có thể gây ra ô nhiễm nguồn nước, xói mòn đất và ảnh hưởng nghiêm trọng đến môi trường tự nhiên	4,25	0,933
3	Hiện nay tình trạng ô nhiễm rác thải nhựa ở Việt Nam và trên thế giới đã trở nên nghiêm trọng	4,23	0,912
4	Tình trạng ô nhiễm rác thải nhựa hiện nay chủ yếu là do văn hoá môi trường hạn chế của con người như: vứt xả rác bừa bãi mà không phân loại, lạm dụng túi nylon, đồ nhựa dùng 1 lần…	4,19	0,936
5	Để hạn chế tình trạng ô nhiễm rác thải nhựa phải xuất phát từ việc thay đổi thói quen sử dụng nhựa của mọi người	4,23	0,928
6	Hạn chế sử dụng nhựa, đặc biệt là nhựa dùng 1 lần là biện pháp cần thiết để bảo vệ môi trường	4,16	0,945
7	Tôi nghĩ rằng tái chế rác thải nhựa là một trong những biện pháp ứng phó hiệu quả với thực trạng rác thải nhựa hiện nay	4,15	0,932
8	Giảm thiểu rác thải nhựa là trách nhiệm thuộc về tất cả mọi người, trong đó có HS THPT	4,28	0,924
Tổng		**4,23**	**0,810**

Mặc dù nhận thức của HS về vấn đề rác thải nhựa tương đối cao nhưng hành vi của HS về vấn đề này chưa thực sự tương xứng với nhận thức. Trong một số nghiên cứu trước đây cũng đã phát hiện rằng nhận thức của HS ở nhiều quốc gia trên thế giới về rác thải nhựa tương đối cao, nghĩa là nhiều HS hiểu được nhựa có tác hại lớn đến con người và môi trường. Tuy nhiên, nhận thức về tác hại của nhựa không tác động trực tiếp đến hành vi sử dụng nhựa của HS (Hammami và cộng sự, 2017; Van và cộng sự, 2021).

- *Kiến thức của HS về vấn đề rác thải nhựa*. Kiến thức của các cá nhân ảnh hưởng hành vi của họ đối với môi trường (Situmorang và cộng sự, 2020). Kiến thức về vấn đề rác thải nhựa được thể hiện trong 15 câu hỏi, được chọn lọc phù hợp với thực tiễn vấn đề và đối tượng HS THPT, bao gồm: phân loại rác thải, khái niệm rác thải nhựa, khái niệm ô nhiễm rác thải nhựa, nguyên nhân, đặc tính, tác động đến môi trường và con người, phương pháp và tình trạng xử lí, thực trạng ở Việt Nam, giải pháp. Thang đo kiến thức có 5 mức độ để HS lựa chọn bao gồm: 1. Hoàn toàn không biết, 2. Không biết, 3. Phân vân, 4. Biết, 5. Biết rõ. Kết quả khảo sát được thể hiện qua bảng 5.

Bảng 5. Kiến thức của HS THPT ở Miền Trung về vấn đề rác thải nhựa

STT	Kiến thức về vấn đề rác thải nhựa	ĐTB	ĐLC
1	Rác thải được phân thành 3 loại: rác hữu cơ, rác vô cơ và rác tái chế	4,08	0,883
2	Rác thải nhựa là những sản phẩm làm bằng nhựa đã qua sử dụng hoặc không được dùng đến và bị vứt bỏ	4,12	0,896
3	Ô nhiễm rác thải nhựa là hiện tượng các loại RTN được xả bừa bãi ra môi trường tích tụ lại, gây ra những ảnh hưởng xấu đến môi trường sống, sức khoẻ của con người và các loại động vật khác	4,23	0,918
4	Nguồn gốc phát sinh rác thải nhựa là từ hoạt động sinh hoạt hàng ngày của con người như sử dụng ống hút, túi nilon, chai nhựa…	3,64	0,989
5	Rác thải nhựa phân huỷ rất chậm, thời gian phân huỷ giao động từ 50-600 năm, thậm chí là hàng ngàn năm	3,43	0,861
6	Rác thải nhựa khó phân hủy trong đất, làm đất không giữ được nước dẫn đến xói mòn, thiếu dinh dưỡng và oxi, ảnh hưởng đến cây trồng	3,36	0,980
7	Rác thải nhựa bị phân rã thành những mảnh vi nhựa rất nhỏ, lẫn vào đất, môi trường và không khí, đe dọa đến sức khỏe con người và sinh vật	3,24	0,956
8	Rác thải nhựa trên biển gây phá hủy tế bào, tác động xấu tới hệ tiêu hóa, làm tắc khí quản các loài sinh vật biển khi chúng ăn hoặc vướng phải	3,48	0,912
9	Có rất nhiều sản phẩm nhựa trong quá trình sử dụng sẽ sản sinh ra BPA – đây là chất độc hại và gây ra nhiều bệnh lý nguy hiểm ở người như vô sinh, tiểu đường thậm chí gây ung thư	2,88	0,955
10	Phương pháp xử lí rác thải nhựa chủ yếu hiện nay là: đốt, chôn lấp, tái chế	3,71	0,963
11	Đốt rác thải nhựa sinh ra các loại khí độc như dioxin, furan… ảnh hưởng lớn đến tuyến nội tiết, giảm khả năng miễn dịch, thậm chí gây ung thư	3,29	0,992
12	Trong tổng số nhựa từng được sản xuất, chỉ 9% rác thải nhựa được tái chế, khoảng 12% bị thiêu hủy, còn lại 79% đã tích lũy trong các bãi chôn lấp, bãi rác hoặc thải ra môi trường tự nhiên	3,02	0,963
13	Việt Nam là một trong 20 quốc gia tiêu dùng nhựa nhiều nhất trên thế giới, bình quân >40kg nhựa/người/năm	2,93	0,943
14	Việt Nam là 1 trong 5 quốc gia có lượng rác thải nhựa thải ra biển lớn nhất thế giới năm 2019	3,15	0,954
15	Giải pháp giảm thiểu rác thải nhựa là: hạn chế sử dụng, tái sử dụng, tái chế, thay thế các sản phẩm từ nhựa trong cuộc sống hàng ngày…	4,13	0,952
Tổng		**3,51**	**0,552**

Kết quả khảo sát cho thấy, hiểu biết về vấn đề rác thải nhựa của HS vẫn còn nhiều hạn chế với ĐTB là 3,51 (trung gian giữa mức độ "phân vân" và mức độ "biết"). Trong đó, với các câu hỏi tương đối đơn giản về phân loại rác thải, khái niệm rác thải nhựa và ô nhiễm rác thải nhựa, nguồn gốc phát sinh, phương pháp xử lí rác thải nhựa và giải pháp để giảm thiểu rác thải nhựa thì đa phần HS đều "biết" với ĐTB > 4,0. Tuy nhiên với các câu hỏi về tác hại cụ thể của rác thải nhựa với sức khoẻ con người, với sinh vật, với môi trường, thực trạng rác thải thựa ở Việt Nam và trên thế giới thì đa phần HS đều không biết rõ.

3.3. Mức độ tiếp cận giáo dục về vấn đề rác thải nhựa của học sinh trung học phổ thông ở khu vực Miền Trung

Giáo dục đóng vai trò quan trọng trong sự phát triển bền vững của xã hội (Filho và cộng sự, 2015). Đối với vấn đề rác thải nhựa, ngoài các biện pháp can thiệp về kinh tế và pháp lý, thì biện pháp can thiệp về tâm lý như giáo dục nhằm nâng cao nhận thức và khuyến khích thay đổi hành vi có tác động rất quan trọng (Thompson và cộng sự, 2009). Hammami và các cộng sự (Hammami và cộng sự, 2017) cho rằng: giáo dục là công cụ duy nhất có thể được sử dụng trong thời điểm quan trọng này để chống lại sự thờ ơ của xã hội đối với cuộc chiến rác thải nhựa và vấn đề môi trường đang bị đe doạ, đặc biệt là đối tượng HS. Hội nghị Liên chính phủ về giáo dục môi trường ở Tbilisi năm 1977 cũng khẳng định rằng: giáo dục có thể thay đổi hành vi bằng cách cung cấp cho các nhóm xã hội và cá nhân cơ hội tham gia tích cực ở tất cả các cấp trong việc hướng tới giải quyết các vấn môi trường (Chow và cộng sự, 2017).

Một số nghiên cứu trước đây đã chỉ ra rằng giáo dục có thể thay đổi nhận thức, kiến thức, thái độ và hành vi của mỗi con người đối với môi trường sống. Đầu tiên, mức độ tiếp cận giáo dục chính thức mà một người nhận được có tương quan trực tiếp đến lượng kiến thức về môi trường và sự hình thành thái độ tích cực đối với môi trường sống của bản thân người đó (Chow và cộng sự, 2017). Thứ hai, giáo dục như là một thứ vũ khí mạnh mẽ giúp nâng cao nhận thức, trang bị kiến thức, phát triển kỹ năng, hình thành thái độ sống tích cực để đạt được môi trường lành mạnh hơn và chất lượng cuộc sống cao hơn (Avan và cộng sự, 2011). Mục tiêu của giáo dục môi trường nói chung và giáo dục rác thải nhựa nói riêng là thay đổi hành vi của mọi người bằng cách giúp các nhóm xã hội và các cá nhân có được một tập hợp các giá trị và thái độ quan tâm đến môi trường, động lực để tham gia tích cực vào việc cải thiện và bảo vệ môi trường (Chow và cộng sự, 2017; Hungerford & Volk, 1990).

Bảng 6. Mức độ tiếp cận giáo dục về vấn đề rác thải nhựa của HS THPT ở Miền Trung

STT	Tiếp cận giáo dục về vấn đề rác thải nhựa	ĐTB	ĐLC
1	Qua giáo viên chủ nhiệm trong các tiết sinh hoạt lớp	3,05	0,976
2	Qua các hoạt động do nhà trường tổ chức	3,44	0,970
3	Qua các môn học có liên quan	3,35	0,962
4	Qua các hoạt động Đoàn, Đội trong nhà trường	2,73	0,998
5	Qua các sách, tài liệu do nhà trường cung cấp	3,24	0,956
6	Qua các hoạt động tuyên truyền tại địa phương	3,67	0,910
7	Tự học qua đài phát thanh, tivi, mạng Internet	3,91	0,919
8	Được giáo dục từ những người thân trong gia đình	3,51	0,980
Tổng		**3,36**	**0,562**

Trong nghiên cứu này chúng tôi xem xét mức độ tiếp cận giáo dục về vấn đề rác thải nhựa của HS thông qua 8 câu hỏi theo 5 mức độ để HS lựa chọn (1. Chưa bao giờ, 2. Hiếm khi, 3. Thỉnh thoảng, 4. Thường xuyên, 5. Rất thường xuyên), bảng 6.

Theo kết quả tại Bảng 6, mức độ HS tiếp cận với giáo dục về vấn đề rác thải nhựa chỉ nằm ở mức độ "thỉnh thoảng" với ĐTB = 3,36. Trong đó, mức độ tiếp cận giáo dục về rác thải nhựa cao và thường xuyên nhất là từ hoạt động "*tự học qua đài phát thanh, tivi, mạng Internet*" với ĐTB=3,91 (tiệm cận mức độ "thường xuyên"), thứ hai là từ "*các hoạt động tuyên truyền tại địa phương*" với điểm ĐTB=3,67; và thứ 3 là "*được giáo dục từ những người thân trong gia đình*" với ĐTB = 3,51. Theo đánh giá của HS, các hoạt động giáo dục về vấn đề rác thải nhựa trong các trường THPT chưa được tổ chức thường xuyên mà chỉ "thỉnh thoảng" mới được thực hiện, được HS đánh giá với ĐTB thấp hơn, trong khoảng từ từ 2,73 đến 3,44.

Điều này có thể được lí giải theo hướng: giáo dục về vấn đề rác thải nhựa không phải là một nội dung giáo dục bắt buộc trong nhà trường nên giáo viên chưa được trang bị các tài liệu, nội dung, phương pháp và hình thức giáo dục về vấn đề này. Giáo dục về vấn đề rác thải nhựa thường nằm trong giáo dục bảo vệ môi trường và được thực hiện chủ yếu thông qua việc lồng ghép trong các bài học do giáo viên thực hiện hoặc trong các hoạt động giáo dục do nhà trường tổ chức. Việc thực hiện này hoàn toàn dựa trên sự tâm huyết, nhiệt tình, tự nguyện của giáo viên và việc xây dựng kế hoạch hoat động của nhà trường, không có quy định bắt buộc. Hơn nữa, trong năm học 2022-2023, các trường THPT đang trong quá trình thực hiện những sự thay đổi theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018 với nhiều điểm đổi mới, cũng đòi hỏi ở giáo viên rất nhiều thời gian và công sức.

Thực trạng trên đã đặt ra yêu cầu: cần phải đẩy mạnh hơn nữa các hoạt động giáo dục về vấn đề rác thải nhựa trong trường học để trang bị kiến thức, nâng cao nhận thức và cải thiện các hành vi cho HS nhằm đối phó với tình trạng ô nhiễm rác thải nhựa đáng báo động ở nước ta hiện nay.

4. Kết luận

Ô nhiễm rác thải nhựa đã trở thành một trong những vấn đề môi trường nghiêm trọng hiện nay đối với Việt Nam và nhiều quốc gia trên thế giới. Vì sự tiện lợi và giá trị kinh tế mà việc sử dụng nhựa đang ngày càng gia tăng bất kể những tác hại và hiểm hoạ đi kèm. Để góp phần giảm thiểu rác thải nhựa vì sự phát triển bền vững cần phải thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp, cho nhiều nhóm đối tượng. Trong đó, giáo dục cho các cá nhân về trách nhiệm trong việc sử dụng và giảm thiểu rác thải nhựa là điều cần thiết vì sự phát triển bền vững (United Nations Environment Programme, 2018).

Trong cuộc chiến chống lại rác thải nhựa hiện nay ở Việt Nam, HSTHPT chính là một lực lượng vô cùng quan trọng. Chú trọng giáo dục ứng phó với rác thải nhựa cho HS là một chiến lược lâu dài và hiệu quả mà mỗi quốc gia, địa phương cần thực hiện. Những phát hiện trong nghiên cứu này nhấn mạnh rằng: mặc dù HS có nhận thức tương đối cao về vấn đề rác thải nhựa song kiến thức, và hành vi của HS chưa đạt được kì vọng như mong đợi, công tác giáo dục về vấn đề rác thải nhựa ở các trường THPT khu vực Miền Trung vẫn còn tồn tại nhiều hạn chế, chưa thực sự được chú trọng. Hành vi đối với vấn đề rác thải nhựa có sự khác biệt giữa HS nam và HS nữ, giữa HS các khối lớp và giữa HS một số địa phương. Kết quả nghiên cứu là cơ sở thực tiễn để các cơ quan quản lý giáo dục, các trường trung học ở khu vực Miền Trung xem xét khi lựa chọn biện pháp giáo dục về vấn đề rác thải nhựa phù hợp với trường học và địa phương mình.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Avan, C., Aydinli, B., Bakar, F., & Alboga, Y. (2011). Preparing Attitude Scale to Define Students' Attitudes about Environment, Recycling, Plastic and Plastic Waste. *International Electronic Journal of Environmental Education, 1*(3), 179–191. www.iejeegreen.com.

Barnes, D. K. A., Galgani, F., Thompson, R. C., & Barlaz, M. (2009). Accumulation and fragmentation of plastic debris in global environments. *Philosophical Transactions of the Royal Society B: Biological Sciences, 364*(1526), 1985–1998. https://doi.org/10.1098/rstb.2008.0205

Chau, M. Q., Hoang, A. T., Truong, T. T., & Nguyen, X. P. (2020). Endless story about the alarming reality of plastic waste in Vietnam. *Energy Sources, Part A: Recovery, Utilization and Environmental Effects*, 1–9. https://doi.org/10.1080/15567036.2020.1802535.

Chaudhary, V., Kathuria, K., Tomar, M., & Jain, M. (2020). Study to Assess the Knowledge, Attitude and Practice of Plastic Use among School students of Meerut, Uttar Pradesh. *Indian Journal of Public Health Research & Development*, *11*(11), 62–68. https://doi.org/10.37506/ijphrd.v11i11.11348.

Chow, C. F., So, W. M. W., Cheung, T. Y., & Yeung, S. K. D. (2017). Plastic waste problem and education for plastic waste management. In *Emerging Practices in Scholarship of Learning and Teaching in a Digital Era* (pp. 125–140). Springer. https://doi.org/10.1007/978-981-10-3344-5_8.

Dang, V. H., Gam, P. T., & Xuan Son, N. T. (2021). Vietnam's Regulations to Prevent Pollution from Plastic Waste: A Review Based on the Circular Economy Approach. *Journal of Environmental Law*, *33*(1), 137–166. https://doi.org/10.1093/jel/eqaa028.

Filho, W. L., Manolas, E., & Pace, P. (2015). The future we want key issues on sustainable development in higher education after rio and the un decade of education for sustainable development. *International Journal of Sustainability in Higher Education*, *16*(1), 112–129. https://doi.org/10.1108/IJSHE-03-2014-0036.

Hammami, M. B. A., Mohammed, E. Q., Hashem, A. M., Al-Khafaji, M. A., Alqahtani, F., Alzaabi, S., & Dash, N. (2017). Survey on awareness and attitudes of secondary school students regarding plastic pollution: implications for environmental education and public health in Sharjah city, UAE. *Environmental Science and Pollution Research*, *24*(25), 20626–20633. https://doi.org/10.1007/s11356-017-9625-x.

Heidbreder, L. M., Bablok, I., Drews, S., & Menzel, C. (2019). Tackling the plastic problem: A review on perceptions, behaviors, and interventions. *Science of the Total Environment*, *668*, 1077–1093. https://doi.org/10.1016/j.scitotenv.2019.02.437.

Hungerford, H. R., & Volk, T. L. (1990). Changing learner behavior through environmental education. *Journal of Environmental Education*, *21*(3), 8–21. https://doi.org/10.1080/00958964.1990.10753743.

Jambeck, J. R., Geyer, R., Wilcox, C., Siegler, T. R., Perryman, M., Andrady, A., Narayan, R., & Law, K. L. (2015). Plastic waste inputs from land into the ocean. *Science*, *347*(6223), 768–771. https://doi.org/10.1126/science.1260352.

Milne, G. Q. (2019). Plastics a growing concern - A Vietnam Perspective. *Ipsos|Plastic.*

A Growing Concern, https://www.ipsos.com/sites/default/files/2019-09/. www.ipsos.com

Schwenkel, C. (2018). Waste infrastructure breakdown and gendered apathy in Vietnam. In In The routledge handbook of & anthropology and the City (Eds.), *The Routledge Handbook of*

Anthropology and the City. New York: Routledge.

Situmorang, R. O. P., Liang, T. C., & Chang, S. C. (2020). The difference of knowledge and behavior of college students on plastic waste problems. *Sustainability (Switzerland)*, *12*(19), 7851. https://doi.org/10.3390/SU12197851.

Thompson, R. C., Moore, C. J., Saal, F. S. V., & Swan, S. H. (2009). Plastics, the environment and human health: Current consensus and future trends. *Philosophical Transactions of the Royal Society B: Biological Sciences*, *364*(1526), 2153–2166. https://doi.org/10.1098/rstb.2009.0053

United Nations Environment Programme (UNEP). (2018). Single-Use Plastics: A Roadmap for Sustainability. *Unep*, 104. www.unenvironment.org.

Van, L., Hamid, N. A., Ahmad, M. F., Aizat Ahmad, A. N., Ruslan, R., & Muhamad Tamyez, P. F. (2021). Factors of single use plastic reduction behavioral intention. *Emerging Science Journal*
,
5(3), 269–278. https://doi.org/10.28991/esj-2021-01275.

Vũ Gia Hiền. (2005). *Tâm lý học và chuẩn hành vi*. NXB Lao động, 334tr.

Vuong, Q.-H. (2021). Western monopoly of climate science is creating an eco-deficit culture. *Economy, Land & Climate Insight*. https://elc-insight.org/western-monopoly-of-climate-science-is-creating-an-eco-deficit-culture/.

World Bank. (2022). *Analysis of plastic waste pollution in Vietnam*. https://documents1.worldbank.org/curated/en/099731506282258321/pdf/P167307016be7609b087c101a167c06027a.pdf.